

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

Mẫu số B 01a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Quý 1 năm 2009 - Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu tài sản	Mã số	TM	Số cuối kỳ (31/03/2009)	Số đầu năm (01/01/2009)
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		983.770.636.408	1.043.003.268.594
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.192.553.885	37.690.296.450
1. Tiền	111	V.01	4.192.553.885	37.690.296.450
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		847.427.223.746	901.600.806.471
1. Phải thu của khách hàng	131		67.277.408.920	58.936.791.883
2. Trả trước cho người bán	132		490.190.786.512	704.425.132.649
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	289.959.028.314	138.238.881.939
IV. Hàng tồn kho	140		127.306.854.538	99.181.921.849
1. Hàng tồn kho	141	V.04	127.306.854.538	99.181.921.849
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.844.004.239	4.530.243.824
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		200.298.062	192.230.334
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.799.014.212	1.531.750.259
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	245.804.007	245.804.007
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.598.887.958	2.560.459.224
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		714.370.999.746	721.159.447.260
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		114.727.542.639	126.702.772.088
4. Phải thu dài hạn khác	218		114.727.542.639	126.702.772.088
II. Tài sản cố định	220		383.418.747.795	375.178.164.091
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	219.140.420.228	222.829.743.595
- Nguyên giá	222		264.214.789.156	264.183.439.157
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(45.074.368.928)	(41.353.695.562)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.002.051.063	1.017.342.993
- Nguyên giá	228		1.487.055.101	1.487.055.101
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(485.004.038)	(469.712.108)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	163.276.276.504	151.331.077.503
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		191.582.914.360	192.127.345.148
1. Đầu tư vào công ty con	251		153.927.221.388	153.927.221.388
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		76.129.220.000	76.129.220.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	6.517.000.000	6.517.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(44.990.527.028)	(44.446.096.240)
V. Tài sản dài hạn khác	260		24.641.794.952	27.151.165.933
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	23.853.095.554	26.364.424.991
3. Tài sản dài hạn khác	268		788.699.398	786.740.942
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		1.698.141.636.154	1.764.162.715.854

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

Chỉ tiêu nguồn vốn	Mã số	TM	Số cuối kỳ (31/03/2009)	Số đầu năm (01/01/2009)
A. Nợ phải trả (300=310+320)	300		1.406.526.273.189	1.446.556.284.817
I. Nợ ngắn hạn	310		484.910.884.184	509.356.694.857
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	296.681.195.871	284.605.557.203
2. Phải trả người bán	312		39.643.835.548	52.586.686.671
3. Người mua trả tiền trước	313		60.239.297.479	41.012.752.706
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	130.932.164	312.484.598
5. Phải trả người lao động	315		1.543.063.846	1.557.760.422
6. Chi phí phải trả	316	V.17	33.344.648.310	89.197.399.217
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	53.327.910.966	40.084.054.040
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			0	0
II. Nợ dài hạn	330		921.615.389.005	937.199.589.960
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	921.403.593.603	937.006.933.689
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		211.795.402	192.656.271
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+420)	400		291.615.362.965	317.606.431.037
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	286.914.505.909	312.076.273.981
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		320.000.000.000	320.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.725.000.000	2.725.000.000
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(17.943.040.000)	(17.943.040.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.040.947.680	1.040.947.680
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.040.641.881	4.040.641.881
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(22.949.043.652)	2.212.724.420
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		4.700.857.056	5.530.157.056
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		4.700.857.056	5.530.157.056
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		1.698.141.636.154	1.764.162.715.854

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 04 năm 2009

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Trần Quang Cần

(Đã ký)

Phan Anh Quang

(Đã ký và đóng dấu)

Đoàn Đức Hồng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

Mẫu số B 02a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ Quý 1 năm 2008 (Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	TM	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm 2009	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2008
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	16.909.193.916	32.215.136.660	16.909.193.916	32.215.136.660
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		20.804.215	0	20.804.215	0
3	D.thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		16.888.389.701	32.215.136.660	16.888.389.701	32.215.136.660
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	16.742.133.901	26.741.580.352	16.742.133.901	26.741.580.352
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		146.255.800	5.473.556.308	146.255.800	5.473.556.308
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	671.397.958	211.186.113	671.397.958	211.186.113
7	Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.28	21.398.957.575	6.644.214.619	21.398.957.575	6.644.214.619
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>20.852.700.521</i>	<i>6.642.614.301</i>	<i>20.852.700.521</i>	<i>6.642.614.301</i>
8	Chi phí bán hàng	24		263.467.799	43.557.270	263.467.799	43.557.270
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.360.426.403	1.693.485.303	4.360.426.403	1.693.485.303
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(25.205.198.019)	(2.696.514.771)	(25.205.198.019)	(2.696.514.771)
11	Thu nhập khác	31		57.643.583	4.474.016.301	57.643.583	4.474.016.301
12	Chi phí khác	32		14.213.636	21.758.624	14.213.636	21.758.624
13	Lợi nhuận khác	40		43.429.947	4.452.257.677	43.429.947	4.452.257.677
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(25.161.768.072)	1.755.742.906	(25.161.768.072)	1.755.742.906
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	0	245.804.007	0	245.804.007
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	0	0	0	0
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(25.161.768.072)	1.509.938.899	(25.161.768.072)	1.509.938.899
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 04 năm 2009

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Quang Cần

Phan Anh Quang

Đoàn Đức Hồng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

Mẫu số B 03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2009 (Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			(Từ 01/01/2009 đến 31/03/2009)	(Từ 01/01/2008 đến 31/03/2008)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		28.876.630.980	57.669.861.709
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	2		(65.096.521.151)	(103.692.101.804)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(2.505.928.031)	(2.046.718.389)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(20.852.700.521)	(6.642.614.301)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		0	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		25.933.343.722	170.360.315.341
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(6.759.972.853)	(84.855.254.644)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD	20		(40.405.147.854)	30.793.487.912
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(15.637.577.108)	(127.836.052.538)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		3.646.409.100	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	(3.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		14.000.000.000	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	1.835.121.315
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.008.831.992	(129.000.931.223)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP đã phát hành	32		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		68.956.008.057	211.955.795.447
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(64.057.885.994)	(112.724.228.454)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.898.122.063	99.231.566.993

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(33.498.193.799)	1.024.123.682
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		37.690.296.450	43.612.980.389
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		451.234	30.192.887
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	VII.34	4.192.553.885	44.667.296.958

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 04 năm 2009

NGƯỜI LẬP

(Đã ký)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Đã ký)

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Quang Cần

Phan Anh Quang

Đoàn Đức Hồng